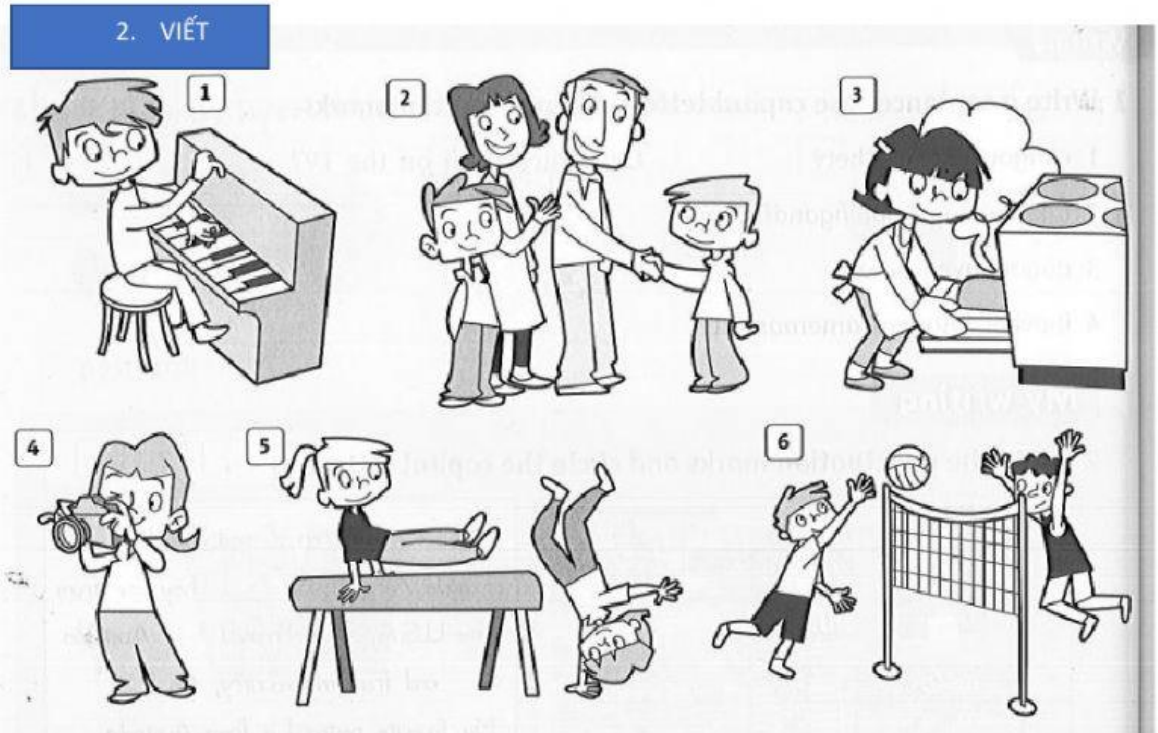
# ĐỀ ÔN THI VIẾT- HỌC KỲ 1- KHỐI LỚP 4

## 1. NỐI HÌNH

| | | |
|---|---|---|
| 1 visit | d | a gymnastics |
| 2 read | | b the piano |
| 3 do | | c photos |
| 4 turn on | | d family |
| 5 play | | e a kite |
| 6 take | | f music |
| 7 listen to | | g comics |
| 8 fly | | h the TV |

## 2. VIẾT




1 He likes playing the piano.

2 He likes _____ family.

3 She likes _____ fish pie.

4 She likes _____ photos.

5 They like _____ gymnastics.

6 They like _____ volleyball.

LIVEWORKSHEETS

## 5. ĐIỀN KÝ TỰ CÒN THIẾU

/4

1 cl<u>e</u>an 2 po_luted 3 u_ly 4 be_utiful 5 dan_erous

## 2 Write and match.

/5

1 frus <u>surf</u> [c]
2 dinwurfs _____ [ ]
3 ilsa _____ [ ]
4 roksnel _____ [ ]
5 yakka _____ [ ]
6 skawtrei _____ [ ]





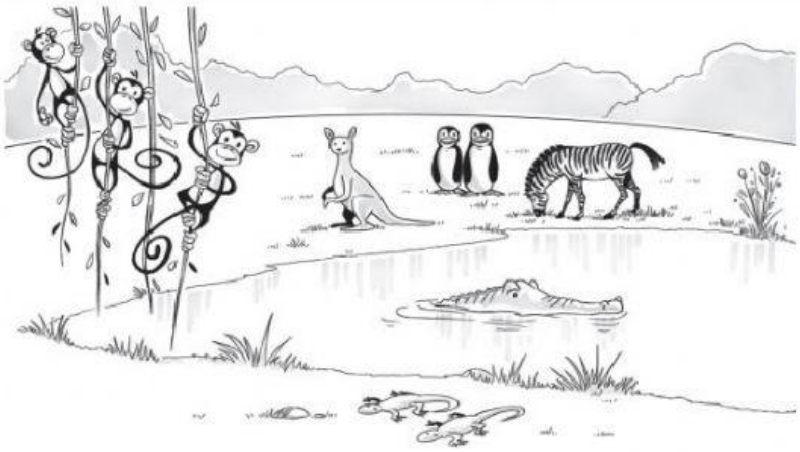









## 4. ĐÁNH DẤU V (CHO HÌNH ĐÚNG) HOẶC X (CHO HÌNH SAI)



1 penguin [✔]
2 monkey [ ]
3 camel [ ]
4 kangaroo [ ]
5 crocodile [ ]
6 lizard [ ]
7 lion [ ]
8 zebra [ ]

## 3. ĐIỀN TỪ BẰNG CÁC CHỮ CÁI CHO SẴN

1  t a r s d p o c s

postcards

2  i n s p

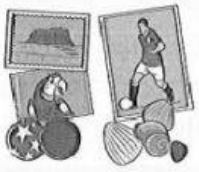
_____

3  l e s h l s

_____

4  r t e p s o s

_____

5  c l e t o l i c o n

_____

LIVEWORKSHEETS

## Listening

### 9. NGHE VÀ CHỌN HÌNH THÍCH HỢP

/3

1
a 
b 

2
a 
b 

3
a 
b 

4
a 
b 

### 8. KÉO VÀ THẢ

57

/5

crocodiles seven ~~Animal Land~~ penguins
giraffes three today monkeys Saturday

1 Name of zoo: Animal Land
2 Opens: _____
3 Animals by the lake: _____
_____
4 Number of camels: _____
5 At 3:00, watch _____

### 7. ĐIỀN CHỮ CÁI CÒN THIẾU

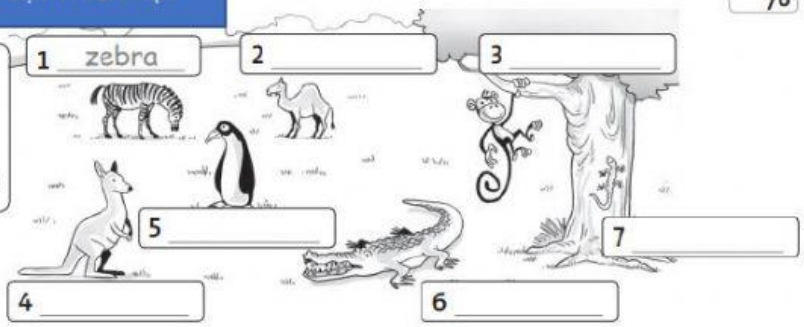
/8

1 wind s ur f ing
2 kay _ _ ing
3 snork _ _ ing
4 swi _ _ ing
5 water _ k _ ing
6 sa _ _ ing
7 _ ur _ ing
8 poll _ _ ed
9 dang _ _ ous

### 6. VIẾT TÊN CON VẬT THÍCH HỢP

/6

monkey lizard
crocodile
~~zebra~~ camel
kangaroo penguin




LIVEWORKSHEETS